

PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA THÍCH THIÊM

QUYỂN 2

Văn phần đầu từ “Vân hà...” trở xuống đến “Xuất nhũ vị tướng”, văn này dùng Hoa Nghiêm thuyết về Đại thừa, chưa đi đến Lộc Uyển, gọi đó là Đốn. Đây là Đốn bộ, chứ không phải là Đốn giáo, bởi vì tông bộ ấy bao gồm nhất, biệt, người không nhìn thấy thì nói là Hoa Nghiêm Đốn so với Pháp Hoa thì sai lầm rồi. Xuống phía dưới sẽ giải thích chính xác. Văn phần đầu lặp lại ví dụ. Từ “Hậu thực...” trở xuống là cảm ứng hợp với ví dụ, luôn luôn tổng hợp theo Biệt - Viên là Hậu. Từ “Đốn thuyết...” trở xuống là nói rõ thuyết về Đốn. Từ “Lương do...” trở xuống là lý do thuyết về Đốn, bởi vì ngăn cách nhau. Nói là Đại ngăn cách Tiểu, bởi vì người Tiểu thừa chưa chuyển nên bị Đại thừa làm cho cách xa. Từ “Thử như Hoa Nghiêm...” trở xuống là kết luận Hoa Nghiêm ví dụ mà giống như Niết-bàn cho nên nói là Như. Xuống phía dưới nêu ra như vậy, dựa theo pháp để nói rõ cơ cảm tương ứng đạt được lợi ích mà kết luận tên gọi về Bộ. Từ “Ước thuyết...” trở xuống là kết luận nói về thứ tự giống như ví dụ trong Niết-bàn. Tiếp đến soi chiếu hang sâu cũng trước tiên nêu ra ví dụ trong Hoa Nghiêm. Từ “Thiểu hành...” trở xuống cũng nêu ra cảm ứng để kết hợp ví dụ, cho đến trong văn Pháp Hoa đều có kết luận ví dụ cùng với pháp đạt được lợi ích, kết thành tên gọi kết luận thuyết theo thứ tự. Tìm hiểu ý Đốn giáo thứ nhất để so sánh bốn vị sau, dựa vào giải thích có thể biết. Chỉ có điều là ba Tạng kết thành tên gọi từ trước, văn khác có lẽ thiếu những ý giải thích, tìm hiểu điều đó có thể thấy. Người Đại thừa tùy ở pháp tòa nghe giảng... ấy là người Đại thừa thị hiện Tích ẩn kín ở trong Tiểu thừa. “Đa di” là tướng của học hành, “ba hoa” là tiếng của thói quen nói năng, nêu rõ là ba Tạng mới thực hành giáo ban đầu mà người thực hành ba Tạng nói đó là Thật cho nên nói không biết. Từ: “Ảnh lâm vạn thủy...” đến “Phương đẳng” là đến trong thời Phương Đẳng nói đầy đủ về bốn giáo, bởi vì chưa dung hòa cho nên thấy không giống nhau.

Hỏi: Hoa Nghiêm, Lộc, Uyển, Đại, Tiểu vĩnh viễn dung thông,

mới nói Phương Đăng thì cùng chỗ ngồi và nghe là thế nào?

Đáp: Nếu như dùng Bí mật phủ pháp thì không lúc nào không đầy khắp. Nếu dựa theo không gian luận về thời gian thì ẩn, hiển quyết định bởi căn cơ, ý chính của Phật thuộc về Đại cho nên như bốn ý của Phật phải ở thời đầu. Nhưng bởi vì một phần Tiệm cơ khiến cho Thánh Từ chưa được toại nguyện. Trước đó, đã chuyên vào Đại tiếp đến trở lại chuyên vào Tiểu, nay tuy cùng chung chỗ ngồi mà Đại và Tiểu vẫn ngăn cách, nhưng Tiểu bị Đại công kích nên vì trở thành Sanh Tô mà lấy đây làm kế tiếp mà thôi. Vì vậy, biết đối với người bắt đầu vâng chịu vẫn không nhận biết lẫn nhau, cho nên xuất hiện những ý ví dụ khác nhau này. Hình ảnh đối diện với muôn dòng nước là ví như hiện thân không giống nhau. Theo đồ dùng vuông tròn là ví dụ nêu ra quốc độ khác nhau. Tùy theo sóng động hay lặng là ví dụ thuyết pháp không giống nhau. Từ: “Thị nhất Phật độ” cho đến “Bất cộng” là kết hợp ví dụ vậy. Từ “cố kiến hữu” trở xuống là trình bày căn cơ thấy khác nhau đối với ba tướng trước đây. Đầu tiên thấy tịnh như Phạm Vương, thấy uế như Thân Tử, khai mở ba tướng ấy tổng quát dẫn ra kinh văn cùng dựa theo sáu căn trình bày về quả trách Tiểu thừa thấy có tịnh uế là đối với nhãn căn hiện bày quốc độ trước mắt. Nhưng cũng cần nói thêm rằng nhìn thấy tướng hơn, kém, đã nêu ra cái thấy quốc độ thì thân nhất định tương xứng với quốc độ cho nên vẫn không nêu ra nhiều. Nghe có bình luận tốt xấu là nhĩ căn. Ngửi có chiêm bặc là tỷ căn. Hoa có chạm thân là thân căn. Tuệ có bao nhiêu là ý căn. Nhưng thiếu thiệt căn bởi vì bình luận tốt xấu gồm đủ điều đó. Nếu như nói về thân thì phải nói thân lớn như núi Tu di, thân nhỏ mới ngồi nơi cội Bồ-đề. Trong mỗi một căn cùng có một tốt một xấu tìm hiểu có thể thấy. Lại nữa, Phật khen ngợi Văn Thù, Tịnh Danh là tốt, Thanh văn - Bồ tát bị quả trách là xấu. Điều ấy ví dụ rất nhiều không thể nào ghi đủ hết được, tùy theo tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh. Bước vào thất này thì không ngửi thấy mùi hương khác. Kết tập không còn thì hoa không vương vào. Thanh văn có bao nhiêu thì vô ngại tuệ ấy không có bấy nhiêu, tức là ý khen chê vậy. Người thế gian phân định Lăng Già hoặc là giống như Hoa Nghiêm hoặc là giống với Pháp Hoa. Đây đủ giống như Chỉ Quán Ký đã có hai nơi dẫn ra văn trong Lăng Già phân định thuộc về Phương Đăng, bởi vì trong kinh ấy có đủ bốn giáo cho nên có công kích chê trách. Trong này nói ý thiếu, phải nói là Phương Đăng vốn gạt bỏ Tiểu công kích thiên lệch viên không hề gián đoạn. Lại thiếu lý do giải thích, nên nói là bởi vì Tiểu chưa hoàn toàn chuyển khiến cho năm trăm người nghe thấy

Đại trở thành quả trách. Lại có nghĩa là kinh Hoa Nghiêm ví dụ chỉ nói đến đất bằng, nay xa rời đất bằng kia để ví dụ cho Phương Đăng - Bát-nhã - Pháp Hoa. Phương Đăng giống như giờ ăn, Bát-nhã giống như Ngu Trung, Pháp Hoa giống như Chánh Trung ở trong nghĩa ấy lại thêm hai nghĩa cho nên nói là “lại có nghĩa”. Người Đại thừa mônng muội hoạt dụng sáng ngời ấy..., là người Đại thừa Bồ tát mê mẩn hoạt dụng của các pháp trong ánh sáng Bát-nhã; người Nhị Thừa đã không có hoạt dụng này, vì thế ví như trẻ thơ mới bảy ngày nếu nhìn mặt trời thì làm cho mắt mất ánh sáng cho nên gọi là mất. Người ngoài âm thầm chứng được ví như đi trong đêm tối. Bồ tát lợi tha ví như làm việc. Làm việc là vận dụng sai khiến vậy. Vì thế ở dưới văn nói dẫn ra phẩm Tín Giải: Thanh văn tự thuật lại để hợp với thí dụ trẻ thơ mất đi ánh sáng đôi mắt ấy. Nhất thiết trí là nói đối với ánh sáng Bát-nhã, vô minh hoàn toàn thuộc về nghĩa giống như mất: “Tuy tam nhân câu học...” là nói về ý. Văn thiếu lý do giải thích, cũng nên nói là bởi vì Tiểu thừa hơi thông thái khiến cho được tiến hành để giải thích. Tiếp theo là thí dụ quốc độ trong Pháp Hoa. “Khuê...”, khuê là xây dựng quốc độ. Chũ Cổ thuận theo quốc độ trùng điệp có nghĩa là Khuê. Như Pháp sư Tống Nghiêm Quán và Thái Tử Cung này đầu cùng thời gian giống nhau mà luận cõi này là Biên hay là Trung. Quán chính là dẫn ra pháp đo hình ảnh của Chu Công, dùng một thước hai tắc đất để đo lường bóng mặt trời. Ngày vào tiết Hạ Chí giống như còn có bóng râm, ở Thiên Trúc vào ngày này thì không có bóng râm. Vì thế Pháp sư Duệ nói rằng như mặt trời đang chính giữa không có nơi nào không phải là Nam. Đây là chỉ cho phương chính giữa không có nơi nào còn lại bóng râm. Theo cách tính này thì một tắc bóng trên mặt đất bằng vạm dậm trên bầu trời. Nếu cúi đầu hoặc làm điều thiện bé nhỏ ấy, là tổng kết loại thiện nhỏ bé tán loạn không có gì không khai mở để thành tựu nhân tố Phật, để dùng kết hợp ví dụ, cùng đi vào một Thật cho nên không có thừa hay thiếu. Từ “Bất linh...” trở xuống là ý giải thích, cũng thiếu lý do giải thích. Phải nói là bởi vì Đại cơ đã thuần thực, chúng không có cành lá khiến cho hết thủy tri kiến Phật khai mở. Nếu dựa theo pháp che phủ duyên gọi là Tiệm - Viên giáo thì lời văn này giản lược, đầy đủ nên nói là Lộc Uyển Tiệm về sau hội tụ Tiệm quay về Viên cho nên nói là Tiệm Viên. Người không thấy điều ấy thì nói rằng Pháp Hoa là Tiệm Viên, Hoa Nghiêm là Đốn Viên, mà không biết trong bộ Hoa Nghiêm có Biệt cho đến trong Bát-nhã phương tiện, cả hai giáo đều từ Pháp Hoa Nhất Thừa khai mở ra, cho nên nói từ một Phật Thừa phân biệt nói thành ba. Vì vậy Sơ

nói từ một Phật Thừa khai mở ra kèm hai, kèm ba, nay bộ Pháp Hoa không có hai, ba kia cho nên nói không có hai cũng không có ba, nay bộ Pháp Hoa không có hai, ba kia cho nên nói không có hai cũng không có ba. Vả lại, phần trên kết luận nói rằng Hoa Nghiêm gồm đủ tất cả, kinh này không trở lại bao gồm mà chỉ đối với kèm cặp. Điều này không phải là khó thấy mà cứ mê muội là như thế nào? Nhưng các nghĩa văn này tất cả từng khoa một đều trước tiên dựa theo bốn giáo, bởi vì dựa theo thô, diệu thì ba giáo trước là thô, một giáo sau là diệu. Tiếp theo dựa vào năm vị để phân định thô, diệu thì bốn vị trước là thô, vị Đề hồ là diệu, hoàn toàn không suy xét tìm tòi ý văn trên dưới, thẳng thắn chỉ ra một lời thì nói là Pháp Hoa kém hơn Hoa Nghiêm, sai lầm biết bao, sai lầm biết bao! Dựa theo nói về thứ tự tên gọi thì tướng của vị Đề hồ ấy, là văn phát sinh từ giáo tướng của năm vị này, ở cuối phẩm Thánh Hạnh thứ nhất ba đức Phật ấn chứng cho Bồ tát Vô Cấu Tạng Vương xong, nói ví như từ trâu sinh ra sữa cho đến Đề hồ ví như từ Phật thuyết ra mười hai bộ kinh cho đến Niết-bàn. Hỏi: Kinh ấy tự dùng Đề hồ ví cho Niết-bàn, nay sao có thể lấy để ví dụ với Pháp Hoa? Đáp: Ý nghĩa của một tông phái nói là hai bộ cùng một vị, nhưng Niết-bàn hãy còn kém, vì sao? Vì Pháp Hoa khai mở Quyền giống như đã phá bỏ trận lớn, cơ còn lại đến nơi ấy giống như bè cánh còn sót lại không khó gì loại bỏ, cho nên dùng Pháp Hoa làm nơi thu hoạch lớn, Niết-bàn làm nơi thu dọn. Nếu không như vậy thì Niết-bàn không thích hợp để từ xa chỉ về tám ngàn Thanh văn ở trong hội Pháp Hoa được thọ ký đặc biệt thấy Như Lai tánh, giống như mùa Thu thu hoạch mùa Đông tàng trữ lại không còn gì làm. Tiếp đến trong phần dẫn chứng giống nhau, có hai: Đầu là tổng kết giống nhau, tiếp là dẫn văn giải thích tách biệt. Đầu tiên nói nên biết rằng ví dụ của Hoa Nghiêm có nghĩa giống nhau cùng với Niết-bàn, là những ví dụ về mặt trời mọc trong Hoa Nghiêm cùng với nghĩa về năm vị trong Niết-bàn giống nhau, nhưng có sự khác biệt giữa mở rộng và giản lược, cho nên khai mở rộng về đất bằng để làm thành ba ví dụ để ví cho ba vị ấy vậy. Tiếp đến trong phần dẫn văn chứng minh là giống nhau nói về ba người con, ba mảnh ruộng, ba con ngựa... ấy, trong kinh Niết-bàn, Ca-diếp thưa với Đức Phật: “Như Lai thương xót tất cả chúng sanh không điều phục mà luôn luôn điều phục, chưa cỡi bỏ mà có năng lực cỡi bỏ, Thiện Tinh là một người ở thời Phật còn là Bồ tát, ông đã đoạn phiền não cõi Dục chứng được Tứ Thiên, Như Lai vì cớ gì thọ ký nói là người nhất Xiển-đề đời kiếp ở trong địa ngục không thể sửa trị? Sao không thể trước vì họ diễn thuyết Chánh

pháp sau đó vì nói pháp Bồ tát? Nếu như không có thể cứu giúp Tỳ-kheo Thiện Tinh thì làm sao được gọi là có đại từ Bi, có đại phương tiện? Đức Phật bảo rằng: này người thiện nam! Ví như có người chỉ có ba người con, một người có tâm tín thuận, cung kính cha mẹ - lợi căn trí tuệ, đối với sự việc thế gian có năng lực biết rõ ràng tất cả; người con thứ hai không có tâm tín thuận, không kính trọng cha mẹ, lợi căn trí tuệ có năng lực biết rõ ràng tất cả mọi việc ở thế gian; người con thứ ba không kính trọng cha mẹ, không có tâm tín thuận, độn căn vô trí, cha mẹ dạy bảo nên trước tiên dạy dỗ người nào? Ca-diếp thưa với Đức Phật: Trước tiên nên dạy dỗ người thứ nhất tiếp đến người thứ hai và sau mới đến người thứ ba, mà hai người con ấy tuy không có tâm tín thuận cung kính, nhưng dùng ý niệm yêu thương để lần lượt dạy dỗ cho họ; Như Lai cũng như vậy, ba người con ấy thì người thứ nhất ví như Bồ tát, người thứ hai ví như Thanh văn, người thứ ba ví như hạng Xiển-đề. Như nghĩa lý vi tế trong Tu Đa La, Như Lai trước tiên đã thuyết cho các Bồ tát, nghĩa lý đơn giản thuyết cho hàng Thanh văn, nghĩa lý thế gian thuyết cho hạng Xiển-đề. Nay tuy không có lợi ích nhưng làm nhân tố cho đời sau. Này người thiện nam! Ví như ba mảnh ruộng, mảnh thứ nhất kênh ngòi lưu thông dễ dàng thuận tiện, không có các loại cát đá gạch ngói gai góc muối phèn, gieo một thu hoạch gấp trăm, mảnh thứ hai tuy không có cát đá gạch ngói gai góc muối phèn, nhưng kênh ngòi lưu thông vô cùng khó khăn, thu hoạch thật sự giảm đi phân nửa, mảnh thứ ba thì kênh ngòi lưu thông đã rất khó khăn lại có nhiều loại cát đá gai góc muối phèn, gieo một thu hoạch một. Lại có ba thứ đồ dùng, một là nguyên vẹn, hai là rò rỉ, ba là vỡ nát, nếu lúc sử dụng thì trước tiên dùng thứ nào? Lại có ba người bệnh, người thứ nhất dễ chữa trị, người thứ hai khó chữa trị, người thứ ba không thể chữa trị, nếu thầy thuốc chữa trị thì trước tiên chữa trị người nào? Lại có ba con ngựa, con thứ nhất điều hòa có sức lực mạnh mẽ, con thứ hai không điều hòa mà sức lực mạnh khỏe, con thứ ba không điều hòa nên gầy còm già yếu, nếu lúc nhà vua xuất hành thì trước tiên nên cưỡi con ngựa nào? Tất cả ví dụ như trước, này người thiện nam! Giống như sư tử hùng mãnh, nếu giết chết hương tượng thì dùng hết sức lực của mình, thậm chí giết hại con hổ cũng dùng hết sức lực mình; Như Lai cũng vậy, vì các Bồ tát và hạng nhất Xiển-đề mà có công dụng không sai khác”. Vì vậy trong văn này, thứ nhất thuyết về Hoa Nghiêm giống như trước hết vì hàng Bồ tát, tiếp theo ở Lộc Uyển giống như vì hàng Thanh văn, Phương Đăng về sau thì Đại -Tiểu che phủ tất cả cho đến Niết-bàn gọi là Bình Đăng. Do

đó Niết-bàn gọi là nói công dụng không khác nhau, văn kinh tuy nêu ra nhiều loại về ví dụ ba hạng, nhưng ý ví dụ không sai khác mà nêu ra trùng lặp thôi. Ánh sáng mặt trời không có riêng tư, đối với chỗ cao thì soi chiếu trước, sau đến đất bằng mà không phải không soi chiếu núi cao vì thuận theo sau để nói cho nên nói là đất bằng, Niết-bàn cũng như vậy, Phật trí không thiên về căn cơ Đại thừa trước che phủ, sau mới đến hạng Xiển-đề, nối thông trước sau mà thuyết cho nên nói là bình đẳng. Ba là trong phần liệu giản, đầu tiên hỏi đã dùng năm vị sao cùng gọi là Tiệm, ấy là hỏi rằng giáo tướng năm vị trước đây, vị đã có năm, vì sao ba vị trung gian đều gọi là Tiệm? Ý trả lời chỉ vì dần dần đi vào cho nên có trung gian, lại thêm trước sau cho nên có được năm vị. Từ “Hựu nhược...” trở đi lại dùng năm câu phân biệt về Tiệm Đốn. Tạm thời dựa theo một kỳ năm vị phát sinh lẫn nhau thì luôn luôn là Tiệm Đốn. Nếu ngay nơi Bộ này phân rõ mở rộng thì Tiệm Đốn nối thông với nhau. Tuy nói nối thông với nhau nhưng mỗi nơi đều có ý của mình, cho nên cần phải tiếp tục dùng năm câu để phân biệt. Hai câu đầu có thể hiểu, nhưng vẫn còn sơ lược lại dùng Đại - Tiểu tương đối có thể giải thích về điều này. Nếu dùng Tiệm làm đương giáo của Biệt giáo đối lập nhau mà nói, thì nên nói rằng trong Đốn gồm có Tiệm, Tiệm không trở ngại Đốn, lại trở thành năm câu hiển bày năm vị. Nếu nói trong Tiệm có Đốn thì giống như câu Phương Đẳng ở sau, vì thế lược đi không nêu ra mà nói là luôn luôn. Câu đầu là Hoa Nghiêm. Câu tiếp theo là Lộc Uyển. Câu tiếp nữa là Phương Đẳng. Nếu dùng Đại phá bỏ Tiểu thì đầy đủ như phẩm Đệ Tử lấy ba giáo trách mắng Tiểu thừa. Tạm thời dựa vào phía điều phục thuần thực Tiểu thừa mà nói. Lại có lấy Viên trách mắng thiên lệch như phẩm Bồ tát. Lại có trong Tiệm mới đầu đi vào Tiểu hạnh như thấy quốc độ lại uest mà đạt được pháp nhãn tịnh, và chúng phàm tục ở ngoài thất vì họ nói về vô thường, lấy Tiểu đối với Đại cho nên nói là cùng nói rõ. Giúp đỡ lẫn nhau chính là Bát-nhã. Nghĩa của giúp đỡ nhau về sau lại liệu giản. Nếu như hội tụ ấy là Pháp Hoa vậy. Câu đầu sơ lược đưa ra, câu tiếp là dẫn chứng. Đầu nói là Hợp ấy chỉ là biệt danh của Hội. Tiếp đến trong phần dẫn chứng dẫn ra không kết hợp để chứng thực kết hợp ấy, như Sớ nói khai mở là tựa về Hợp. Vô lượng nghĩa đã trùng tựa trước khai mở không lâu nhất định phải kết hợp, ví như tính toán xong rồi nhất định phải loại trừ. Lúc này kết hợp ấy là văn này lại dùng ý Pháp Hoa để kết luận. Từ “vấn...” trở xuống liệu giản về Bát-nhã trung gian có thể hiểu. Ý trả lời thì nghĩa bao gồm Phương Đẳng. Phương Đẳng thì Đại giúp đỡ cho Tiểu, trong

hội Bát-nhã nghe thêm hai người vì Bồ tát thuyết gọi là Tiểu giúp đỡ Đại; cũng nên nói là Đốn giúp đỡ Tiệm cùng vượt ra không tồn tại gì. Tiếp theo trình bày về Bất định, văn có ba phần: Một. Kết thúc trước phát sinh sau; Hai. Từ “tuy...” trở xuống là giải thích về tướng; Ba. Từ “Vị vị trung...” trở xuống là kết luận. Văn phần đầu, là đối với Bí mật cần phải an lập ngôn ngữ để hiển lộ, cho nên biết luận thông suốt hiển lộ đều thuộc về Tiệm Đốn. Nay ở sau nghĩa năm vị muốn trình bày tách biệt về Bất định cũng là hiển lộ cho nên đầu tiên nêu ra lấy Bất định đứng thứ nhất, tướng khác với Tiệm Đốn cho nên nói không phải như vậy. Tuy núi cao Đốn thuyết... ấy là chính thức giải thích, lại có ba: Một. Chính thức giải thích; Hai. Từ “Đại kinh...” trở xuống là dẫn chứng; Ba. Từ “Nhất thời...” trở xuống là phá bỏ nghĩa xưa. Văn phần đầu, đây là chỉ cho Hoa Nghiêm không biến động không xa rời mà lên cao mà du hành, đây là nhằm vào sau Đốn mới Tiệm không biến động đối với Đốn mà thực hiện giáo hóa Tiệm. Trong này người xưa phần nhiều có cách giải thích khác nhau. Có người nói xưa kia Thích Ca bất động mà Hóa thân thăng thiên. Có người nói Pháp thân bất động mà Hóa dụng thăng thiên. Có người nói không đến mà đến, đến mà không đến cho lên cao, cho nên hướng đến. Thời cận đại Tạng Pháp Sư giải thích theo bốn cách: 1. Dựa theo xứ, trong một xứ có tất cả các xứ thì Thiên cung xưa nay ở dưới cội Bồ-đề, nhưng trước đây không sử dụng đến xứ Thiên cung này; 2. Dựa theo Phật, thì Phật dưới cội Bồ-đề biến khắp tất cả mọi nơi, cho nên Phật ở cội Bồ-đề vốn ở tại Thiên cung, nhưng trước đây không sử dụng Phật ở tại Thiên cung mà thôi; 3. Dựa theo thời, dưới cội Bồ-đề thì thời gian chính là thời gian ở Thiên cung; 4. Dựa theo pháp giới, nói là không có tự tánh. Điều này chưa hẳn hoàn toàn như vậy, ba nghĩa trước sao không luận về cơ mà chỉ dựa theo Phật, sau dựa theo pháp giới vì sao chỉ nói là không có tự tánh mà không nói là không có tha tánh cho đến không có vô nhân? Không mưu cầu mà hóa hiện cảm ứng đạo giao, chẳng phải ứng mà ứng, chẳng phải cảm mà cảm sao luận đến thời - xứ - thân - độ - tánh...? “Tuy chuyển bốn Đế...”, là chỉ cho Lộc Uyển, đây là chỉ ra rằng tuy thực hiện giáo hóa Tiệm mà không khởi lên đối với Đốn. Hai vị này đã như vậy thì các vị khác theo đúng nơi này. Tuy vì Bồ tát chỉ ra Phương Đẳng - Bát-nhã, trong hai thời kia đều có Tiểu quả mà mới đạt được, đã đạt được như thường lệ trình bày. Tuy năm người chứng quả mà không trở ngại tám vạn chư Thiên đạt được Vô sanh nhẫn. Đây là tiếp tục chỉ ra Tiệm ban đầu đối với Bát-nhã nói về văn trước dựa theo pháp, trong này dựa theo con người đạt được

quả không giống nhau, chứng pháp, Bất định nên dẫn ra nghĩa Pháp luân Hiển Mật ở Đại luận để giải thích ý trong này. Vì thế Đại Luận quyển sáu mươi lăm nói “Ở Diêm-phù-đề thấy chuyển pháp luân thứ hai, chuyển pháp luân thứ nhất tám vạn chư Thiên đạt được Vô sanh nhẫn, Trần Như đạt được Sơ quả. Nay chuyển pháp luân Vô lượng chư Thiên đạt được Vô sanh nhẫn. Nay chuyển tựa như chuyển lần thứ nhất.

Hỏi: Chuyển lần thứ nhất ít, nay chuyển thì nhiều, sao nói dùng Đại dụ cho Tiểu mà nói là tựa như?

Đáp: Chư Phật có hai loại pháp luân. Một là Hiển, hai là Mật. Chuyển lần thứ nhất, Thanh văn thấy tám vạn và một người, các Bồ tát thấy Vô lượng a tăng kỳ người phát tâm Vô thượng đạo thực hành sáu Độ ba-la-mật, a tăng kỳ người đạt được Sơ Địa cho đến Thập địa một đời được bố xứ an tọa đạo tràng, thì gọi là Mật. Cho nên biết ban đầu thấy tám vạn và một người thuộc về hiển lộ thâm nhiếp”. Bí mật thì như dưới đây sẽ trình bày. Lại trong Đại Luận quyển ba mươi một nói: “Muốn đạt được một âm thanh vang khắp hằng hà sa thế giới mười phương nên học Bát-nhã.

Luận hỏi: Nếu như vậy thì cùng với một âm thanh của Phật nào khác nhau?

Đáp: Hữu hạn khác vô hạn. Hỏi: Nếu như vậy tại sao người cõi Diêm-phù-đề đến bên Phật nghe pháp? Đáp: Phật có hai loại âm thanh, một là Bí mật như trước đã nói, hai là không Bí mật thì cần phải đến bên Phật”. Đây là dựa vào phân biệt mà nói, dựa vào Thể mà luận thì hai nghĩa cùng lúc phát sinh. Vì vậy nay trong văn tương tức mà nói. Tiếp đến trong phần dẫn ra Đại Kinh chứng minh nói có lúc thuyết sâu xa, có lúc thuyết đơn giản đều gọi là Bất định, bởi vì đôi bên cùng biết lẫn nhau. Nếu là Bí mật thì như văn sau nói không biết lẫn nhau cho nên gọi là Mật. Bất định và Bí mật đều không ra ngoài phạm vi cùng nhau lắng nghe mà nghe thấy khác nhau, cho nên gọi là “Tức”. Nay cũng đơn giản, sâu xa cùng chung chỗ ngồi cho nên chấp là “hoặc nói”: Sự đáng hỏi thì nói khai mở đầu mối của câu hỏi đó; sự đáng ngăn trở thì nói gác lại những câu hỏi đó; nhưng cũng khai mở, gác lại cùng chung chỗ ngồi cho nên trở thành Bất định. Ba là trong phần nêu ra tương phá bỏ nghĩa xưa, trước là nêu ra tương, tiếp là phá bỏ nghĩa xưa. Trong phần nêu ra tương nói: “Một thời...”; ấy là nói từ rộng đến hẹp. Thời nghĩa là một trong năm vị, cũng là một bộ, một hội. Thuyết nghĩa là một câu, một lời. Niệm nghĩa là một sát na. Đây đủ như giáo tướng Bất định ở văn trước.

Đây là hiển bày lực Bất cộng của Như Lai.

Hỏi: Điều này cùng với sợ hãi, hoan hỷ... trong Phương Đẳng là có gì sai khác?

Đáp: Bất định có khắp bốn vị trước, nếu như nói thẳng thắn thì Phương Đẳng chỉ công kích gạt bỏ mà thôi. Đã dùng thân, độ (cõi nước) khiến cho vật khác đường chính là Bất định, Bất-nhã cũng như vậy, suy nghĩ có thể thấy. Tiếp theo trong phần phá bỏ nghĩa xưa nói: Không giống như nghĩa trước kia chỉ phân định vào một bộ. Như quyển thứ mười trong phần phán giáo nói: Nam - Bắc thông dụng Tiệm - Đốn Bất định. Bất định ấy chính là chỉ cho kinh Thắng Man và kinh Kim Quang Minh, cho nên ngày nay phân định về nghĩa trong từng vị một đều có Bất định, vì vậy không giống như xưa cứ chỉ cho hai kinh. Nói là vị vị, trong vị Nhữ thì dựa theo Viên - Biệt đối lập với nhau để phân rõ về Bất định, trong vị Lạc thì giáo môn tuy không hai, không khác mà chính là cùng với tám vạn đối chiếu phân rõ Bất định, hai vị Sanh Tô và Thực Tô thứ ba, thứ tư so sánh phân rõ ý đó có thể thấy.

Tiếp theo từ “Thử mãi...” trở xuống là Bí mật, phân thành bốn: Một. Kết thúc trước phát sinh sau; Hai. Từ “Như Lai...” trở xuống là sơ lược ca ngợi; Ba. Từ “Thử tòa...” trở xuống là giải thích về tướng; Bốn. Từ “Tuy phục...” trở xuống là kết thúc ca ngợi. Văn phần đầu có thể thấy. Tiếp theo trong phần sơ lược ca ngợi nói: Như trí như cơ... Trí nghĩa là Đại Thánh quyền mưu. Cơ nghĩa là không giống nhau theo thứ tự, không chọn lựa thời - xứ, thân-khẩu-ý Bí mật tùy theo bốn môn nào tự tại vô ngại, hợp thời xứng hội đều không có uổng phí bày ra. Ba là trong phần chính thức giải thích về tướng tạm thời dựa vào ba pháp để đưa ra tướng ấy. Tại vì sao? Bởi vì ba pháp này đối với Bí mật vốn là bốn giáo Hóa Nghi có văn nghĩa hoàn bị, tùy ý vận dụng thâm nhiếp được bốn giáo: Tam Tạng v.v... Trong đó lại có hai: Trước là dựa theo ba thuyết đối lập lẫn nhau; tiếp theo dựa theo thuyết và im lặng đối lập lẫn nhau. Đầu tiên trong ba thuyết phân làm hai: Trước là dựa theo mười phương đối lập lẫn nhau, tiếp theo từ “Hoặc vi...” trở xuống là từ trong một phương có nhiều người đối lập lẫn nhau. Một phương đã như vậy thì mười phương cũng như thế, hai văn đều trước tiên là chính thức giải thích. Tiếp theo từ “Các các...” trở xuống là kết luận. Tiếp đến trong phần dựa theo thuyết và im lặng đối lập lẫn nhau, cũng thuận theo có đủ hai nghĩa mười phương và con người không như nhau. Không có con người đối lập lẫn nhau thì văn giản lược, mà nói cùng im lặng cùng tuyên thuyết ấy là lý phù hợp như vậy. ba pháp trước đối lập lẫn

nhau theo đây cũng nên nói rằng cùng là Đốn, cùng là Tiệm, cùng là Bất định, vẫn không có ấy cũng là giản lược. Đã nói cùng im lặng cùng tuyên thuyết không biết lẫn nhau gọi đó là Mật, ngại gì cùng là Đốn không biết lẫn nhau? Từ “Các các...” trở xuống cũng là kết luận vậy. Nói rằng không biết lẫn nhau, vẫn trước chỉ nói đối với đây đối với kia, đó cũng thuận theo nhau mà giải thích. Nêu ra một để ví dụ, nghiệm xét biết Bất định và bí mật chỉ có biết lẫn nhau và không biết lẫn nhau để phân rõ hai sự khác biệt. Trong này hiển lộ cũng là nghĩa thông suốt với bảy loại khác, bởi vì bí mật nên không đưa ra bảy loại này. Do đó nói vẫn trước nói hiển lộ Tiệm Đốn và hiển lộ Bất định, cho nên bảy loại hoàn toàn là ý hiển lộ. Nếu như vậy ngại gì Pháp Hoa cũng cùng với các giáo mười phương chung một hội để hiển bày, bí mật lẫn nhau, mà lại nói Pháp Hoa là hiển lộ chứ không phải bí mật? Đáp: mười phương có thể là có nhưng một hội chắc chắn là không có. Nói có thể là có thì ngại gì phương khác chưa thích hợp để nói về khai mở Quyền phước bỏ gần... bởi vì nơi kia không biết nơi này. Nếu trong hội Pháp Hoa ở nơi này người mới phát tâm và Nhân Thiên được khai mở há có thể biết tất cả mười phương? Thế giới khai mở và không khai mở, nhưng mà đã nghe Bốn môn thì thiết giáo hóa của Pháp Hoa không phải thích hợp với một đời, cho dù không thấy hiện rõ ra nhưng cũng có thể phỏng theo nghĩa biết tương khai mở hay không khai mở tương xứng với cái biết; huống là ở Đồng Cư, Phân thân ở Tịch Quang từ dưới đất hiện lên nhìn thấy rồi đều tin tưởng một đạo lý không thiên lệch, không giống như Hoa Nghiêm nói là quyến thuộc, Đại Tập cũng không nói là phân thân, Bát-nhã chỉ nói là Hối cộng thêm giải thích về tên gọi đều như nhau, do đó biết kinh này và kinh khác không giống nhau, ý hiển mật khác nhau suy nghĩ có thể biết. Bốn là từ “Tuy phục...” trở xuống kết thúc ca ngợi, trong đó có ba: Đầu là nêu rộng ra để ca ngợi; tiếp từ “Đản khả...” trở xuống là thừa nhận chứng thực dựa theo lý cho nên có thể biết, ngôn thuyết dựa vào Sự cho nên chẳng thể phân rõ, do đó biết chứng thực hoàn toàn căn cứ theo điểm cực cao sơ lược đạt được kế hoạch lớn, lời nói không liên hệ thực hành cuối cùng làm sao có thể đầy đủ? Từ “Tuy phục...” trở xuống là xem ngôn thuyết để thuận theo ý cho nên ý không ra ngoài Tiệm Đốn. Tiếp theo trình bày về kinh này, phân làm hai: Đầu là tổng quát trình bày về giáo hiển bày thù thắng; tiếp đến trình bày dựa theo Tích hiển bày thù thắng. Văn phần đầu nói Pháp Hoa này là giáo hiển lộ, không phải Bí mật cho nên nói là hiển lộ, ở trong bảy loại hiển lộ cùng làm mất đi mà nói là hoàn toàn không phải bảy loại,

tách biệt với nhau mà nói là không phải sáu loại trước. Vì sao? Vì trong bảy loại tuy có Viên giáo mà bởi vì bao gồm, kèm cặp cho nên không giống nhau? Đây là dựa theo Bộ mà nói. Viên trong bảy loại kia cùng với Viên trong Pháp Hoa có Thể không sai khác cho nên chỉ giản lược sáu. Đây là dựa theo Giáo mà nói. Tiếp đến nói Tiệm Đốn này chẳng phải Tiệm Tiệm ấy đầy đủ như trước đã phân định, nay kinh Pháp Hoa là Đốn đằng sau. Tiệm nghĩa là khai mở Tiệm hiển bày Đốn cho nên nói Tiệm Đốn chẳng phải là Tiệm trong Tiệm trước của Pháp Hoa. Tại sao trước đây phân định Sanh Tô - Thục Tô cùng gọi là Tiệm; trong hai kinh này cũng có Viên Đốn? Bởi vì nay Viên trong Pháp Hoa cùng với Viên Đốn trong hai kinh kia không khác nhau, chỉ không giống như ba trong Phương Đẳng, hai trong Bát-nhã kia, hai, ba này gọi là Tiệm trong Tiệm, Pháp Hoa khác với kinh kia cho nên nói chẳng phải Tiệm Tiệm mà thôi. Người không thấy điều đó thì nói rằng Pháp Hoa là Tiệm Đốn - Hoa Nghiêm là Đốn Đốn sợ rằng không thích hợp. “Chính là Hợp...”, là Viên của khai mở Quyền cho nên nói chính là Hợp, không giống như Viên trong các Bộ cho nên nói không phải là không Hợp, Hợp ấy chỉ là biệt danh của Hội. Đây chính là đã dựa theo bốn giáo để giản lược Quyền Thật cho nên không nói lại là Viên chẳng phải ba. Đã biết chẳng phải là trước Pháp Hoa hiển lộ hoàn toàn thì rõ ràng Pháp Hoa chẳng phải là bảy giáo. Đây chính là đối với tám giáo mà giản lược vậy.

Từ “Như thử...” trở xuống là hiển bày Tích có thể biết. Tiếp theo dựa vào Hóa đạo, trong đó có hai: Đầu là chính thức phân rõ về khác nhau, tiếp đến chỉ ra giáo đích thực chứng đạt. Văn phần đầu phân thành năm: Đầu là tiếp tục đưa ra các kinh để so sánh phân rõ. Tiếp từ “Thử kinh...” trở xuống là chính thức trình bày ý kinh này, tạm thời chỉ rõ đức Phật Đại Thông trong Tích làm đầu, tuy dựa vào Tiệm và Bất định mà không dùng giáo khác làm chủng tử cho nên nói là khéo làm. Kết duyên về sau thoái lui Đại lạc mất ban đầu cho nên trở lại ở trong bảy giáo được điều đình chủng tử lại nói là khéo làm. Vì lẽ đó trung gian được tiếp nhận bảy giáo trưởng dưỡng điều phục, nhờ điều phục mà thuần thực gọi là điều thực, điều phục thật sự chưa thuần thực trong nhân nói về quả cho nên nói là vậy. Từ “Hựu dĩ...” trở xuống trình bày về đời này lại dùng bảy giáo điều phục khiến cho đến Pháp Hoa được độ cho nên nói là độ thoát. Cùng thoát... ấy là dựa theo nhiều người tuyên thuyết ở nơi kia là chủng tử, ở nơi này là thuần thực, tuyên thuyết lẫn nhau có thể biết, vì vậy nói là cùng nhau lần lượt không dứt. Đây chính là kết luận các tướng ban đầu và trung gian, hôm nay, vì vậy lại

dẫn ra văn “Dũng xuất” giúp đỡ hiển bày Tích cho nên nói là Đại thế uy mãnh... Văn ba đời lợi ích cho vật trong phẩm Dũng Xuất này, Đại thế uy mãnh tức là vị lai, Sư tử phấn tấn tức là hiện tại, tự tại thần thông tức là quá khứ. Trong này sơ lược nêu ra văn phần vị lai mà tổng hợp tất cả ba đời, cho nên Thế - Thời - Niệm và Thế - Thời - Niệm đều có chủng tử của ba tướng. Tiếp theo chỉ ra Tín Giải ấy, tức là trong Phẩm Tín Giải nói lại bởi vì ngày khác ở trong cửa sổ, chính là chỉ cho Pháp thân ở địa vị xem xét căn cơ lâu rồi, cho nên một lời này đã bao gồm tướng của ba đời lợi ích cho vật. Vả lại, tín giải lĩnh hội đầy đủ năm vị suốt một thế hệ thì biết năm vị trong ba đời hoàn toàn như vậy, nghĩa cần phải gồm đủ với văn thuật lại sự thành tựu. Bởi vì trong phần thuật lại thành tựu, trước là thẳng thắn thuật lại sự lĩnh hội, tiếp là trình bày sự lĩnh hội đã không đạt đến, thì mười pháp giới, bảy phương tiện đều đạt được lợi ích của năm vị, chính là ý đó. Các giáo khác không có điều này cho nên không giống nhau. Tiếp theo từ “Hựu chúng kinh...” trở xuống là Bốn môn, phân thành năm: Một. Chính thức trình bày về Bốn địa lâu xa; Hai. Từ “Bổ xứ...” trở xuống nêu ra người không biết để hiển bày lâu xa; Ba. Từ “kinh vân” trở xuống dẫn ra thọ lượng chứng minh nhân nghe mới biết; Bốn. Từ “Ân cần...” trở xuống dẫn ý ca ngợi Tích môn để chứng minh lâu xa khó nghe; Năm. Từ “Đương tri...” trở xuống là kết luận. Văn phần đầu lại có hai: Đầu là chính thức trình bày, tiếp từ “chúng kinh thượng bất...” trở xuống là dẫn rộng ra các kinh so sánh về tướng vượt ra xa. Phần đầu lại có hai: Đầu là Thầy, tiếp là đệ tử. Đầu tiên trong Thầy cũng có hai: Trước là dẫn kinh xưa lấy tự chứng làm Thật, hóa tha làm Quyền, tiếp từ “Kim kinh...” trở xuống là trình bày Quyền Thật một thể của kinh này từ rất lâu đã đầy đủ, ba ngàn thế giới trong Tích điểm mực hãy còn cho là lâu, nay năm trăm ức vi trần thế giới trong Bốn cho nên nói là rất lâu. Vả lại, một đoạn đã lâu hướng hồ từng đoạn từng đoạn hướng về với nhau cho nên nói là rất lâu. Tiếp từ “Chư kinh...” trở xuống trong phần đệ tử cũng trước là dẫn ra xưa kia, Nhị thừa hãy còn trú trong Tiểu quả cho nên nói là không thể hội nhập, há có năng lực Hóa tha cho nên không thi thiết Quyền. Tiếp đến trình bày về kinh này, như Mãn Nguyện... là trước đã đi vào Thật, thuyết pháp đệ nhất cho nên trước tiên hiểu rồi thực hành Quyền. Tiếp theo trong phần so sánh cũng trước tiên nêu ra xưa kia, không nói đến một đoạn, hai đoạn trước của Đạo thọ cho nên nói là rất gần (cận cận). Một đoạn hai đoạn trước đó so với hiện tại hãy còn gần, so với gần ở trong phạm vi không có trung gian xa cách cho nên nói là rất gần. Tiếp theo

so sánh đưa ra kinh này. Nói viển viển ấy chỉ là Cửu Cửu (rất lâu). Lại nói là Dị (khác nhau), dựa theo thời gian dài ngắn là lâu, gần, dựa theo nơi chốn thực hành là xa, gần, thành đạo rồi thị hiện Tích là nơi chốn đã thực hành, cùng có hai ý cho nên tuyên thuyết lẫn nhau về điều ấy. Tiếp đến trong phần người không biết, nói là Bồ xứ đến thế gian không biết là bao nhiêu, như trong phẩm Thọ Lượng nói năm trăm ức na do tha A-tăng-kỳ tam thiên đại thiên thế giới đều nghiền nhỏ làm thành bụi trần đã nhiều huống là thế giới có hạt bụi trần, và không có hạt bụi trần làm sao có thể kể ra? Số thế giới có hạt bụi và không có hạt bụi hãy còn không thể biết được, huống là bụi trần trong thế giới có thể kể ra? Huống là số bụi trần đó, dùng một hạt bụi trần làm một kiếp thì từ lúc Phật thành đạo đến nay lại gấp muôn (ức) lần số này! Từ A-tăng-kỳ chưa gọi mở Tích đến Di Lạc còn không biết, tuy gọi mở Tích xong nhưng trí lực của Bồ xứ vẫn không biết số thế giới huống là biết số bụi trần ư? Vì lẽ đó khai mở Tích hiển này Bồ đều đi vào Sơ Trú cho nên nói “Tác Phật” (làm Phật). Bồ môn gọi mở Tích đối với quả không nghi ngờ, vì thế đều phát nguyện mong cầu Thật quả này, cho nên nói nguyện cầu con ở đời vị lai nói thọ lượng cũng như vậy.

Ba là dẫn chứng, gần vì Tích môn hãy còn có thể là xưa, huống là từ Già-da trở về trước. Đã được khai mở điều ấy tất nhiên là một phía; nếu dựa vào nơi chưa từng khai mở pháp hội, thì từ lúc lui sụt Đại rồi đến Tiểu dấy lên về sau đều gọi là xưa. Bốn là dẫn ý ca ngợi Tích môn, đầu phẩm Phương Tiện tuy tiếp cận ca ngợi Quyền Thật của năm vị Phật mà ý thật sự Bí mật ca ngợi mối quan hệ lâu xa xưa thầy trò. Năm là từ “Đương tri...” trở xuống kết luận kinh này hoàn toàn khác. Trong bảy loại cùng giải thích thì phần đầu nêu ra năm chương xong.

Tiếp đến phần thứ hai dẫn Giáo chứng minh năm chương ấy lại phân làm hai: Một. Dẫn ra hai văn cùng chứng minh năm chương; Hai. Dẫn phẩm Dược Vương tách biệt chứng minh cho giáo tương. Văn phần đầu lại có hai: Đầu là chính thức dẫn ra hai văn, tiếp từ “Sở dĩ...” trở xuống trình bày về ý dẫn ra hai văn. Văn phần đầu có hai: Trước là trình bày về phẩm Tựa; tiếp là trình bày về thân lược. Văn phần đầu tự phân làm bốn: Trong phần đầu chứng minh tên gọi có hai, thứ nhất chứng minh chính thức tên gọi, thứ hai từ “Hà đản...” trở xuống sơ lược dẫn chứng giống nhau. Văn phần đầu là Di Lạc bắt đầu vì nghi ngờ mà chất vấn kín đáo, Văn Thù vì thế kín đáo giải thích loại trừ nghi ngờ. Chất vấn rằng: Bốn chúng vui mừng chiêm ngưỡng Nhân giả và tôi, Đức Thế Tôn vì sao phóng ra ánh sáng này? Văn Thù giải thích rằng: Tôi trông

thấy như vậy. Tiếp đến trong phần dẫn chứng giống nhau nói “Hà đản” ấy là đầu chỉ Văn Thù dẫn ra hai vạn Phật Đăng Minh giống như thế, mà Đại Thông và năm vị Phật thì tên gọi đó đều như nhau.

Hỏi: Tên gọi Đại Thông giống như ở văn có thể thấy, trong chương năm vị Phật chưa nghe giống nhau như thế?

Đáp: Thích Ca đã gọi Pháp Hoa bốn vị Phật khác cùng nói cũng vậy, cho nên biết là giống nhau. Hơn nữa, Diệu Pháp chỉ có một Thể Quyền Thật, bốn vị Phật đều nói là vì khiến cho chúng sanh đạt được Nhất thiết chủng trí và khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật. Vì thế xuống dưới giải thích rằng, Khai thị ngộ nhập chính là văn ấy vậy, tên gọi giống nhau, nghĩa lý giống nhau ý đó thuộc về nơi này. Tiếp theo văn nói: Dẫn chứng trong Thể của kinh tổng quát dẫn ra ba văn; dẫn ra văn này, cũng là giải thích nghi ngờ về Thể trong phần Văn Thù giải thích loại trừ nghi ngờ. Nay là văn của Đức Phật hiện tại, hai văn còn lại đều là văn nói về Phật Đăng Minh, cho nên nói là Cổ Phật. Tiếp là văn trong phần chứng minh về Tông, có hai: Trước là dẫn ra; tiếp từ “Tức thị...” trở xuống là giải thích. Văn phần đầu cũng là văn của Văn Thù giải thích để loại bỏ nghi ngờ. Tiếp đến trong phần giải thích trước là dựa theo Tích, sau là dựa theo Bản. Tích môn dựa theo nhân của đệ tử, Bản môn dựa theo quả của Phật. Thầy không phải là vô nhân - đệ tử có quả tạm thời cùng nêu ra mà thôi. Tiếp từ “Văn vân...” trở xuống trong phần chứng minh về dụng, cũng có hai: Đầu là dẫn ra; sau là giải thích. Văn phần đầu có hai: Một. Dẫn ra văn giải thích loại bỏ nghi ngờ để chính thức chứng minh; Hai. Dẫn ra văn sơ lược khai mở Quyền trong phẩm Phương Tiện để giúp cho thành tựu, tức là giáo hóa đến nay, thời gian rất cục là rất lâu dài. Tiếp đến trong phần giải thích trước đây dẫn ra kinh văn chỉ nói đến ba Thừa, bởi vì nghĩa ba Thừa bao hàm cho nên nay giải thích đưa ra, hoặc là năm hay là bảy chỉ là khai mở và kết hợp khác nhau mà thôi. Năm khai mở về Nhân Thiên, bảy khai mở Bồ tát, chín kết hợp Bồ tát lại khai mở bốn Thú, nếu như không khai mở Nhân Thiên bốn Thú - Đoạn trừ chín pháp giới tiến lên pháp giới Phật thì nghi ngờ không loại trừ hết được.

Hỏi: Nếu như vậy thì kinh vì sao không nói?

Đáp: Các Thú khác quy về Thật thì các kinh có lẽ có mà Nhị thừa hoàn toàn không có, cho nên kết hợp Bồ tát đối với Nhị thừa từ đó chất vấn mà nói. Giải thích căn cứ vào tận cùng lý lẽ cho nên cần phải luận đến chín Đoạn trừ những nghi ngờ này phát sinh niềm tin vào Nhất Thừa. Tiếp theo dẫn ra phẩm Thần Lực, trước là nêu ra kinh, tiếp đến

giải thích nói về tất cả tức là thuộc về Quyền Thật, vì thâm nhiếp lẫn nhau cho nên Diệu, hoạt dụng bên trong tự tại cho nên loại trừ mọi nghi ngờ mới biến khắp tức là thần lực tự tại. Có đầy đủ ba ngàn cùng thâm nhiếp ba đức cho nên gọi là tạng, trước đây không phải là căn khí cho nên không trao truyền ý nghĩa cốt yếu này. Sự việc rất sâu xa ấy thì nhân quả gọi là sự việc, Thật Tướng gọi là sâu xa, nhân quả của Thật Tướng này gọi là sự việc rất sâu xa. Nếu không phải là nhân quả này thì không phải là Tông của kinh này vậy. Tiếp đến lại dẫn ra phẩm Pháp Sư ấy là trợ giúp thành tựu hai văn mà thôi, chứ không phải là không có văn khác cho nên chỉ dẫn ra văn nói về Tông để trợ giúp cho giải thích. Thánh nhân lưu truyền giáo pháp ý thuộc về tu hành, cho nên gọi là Dụng của Thể, Giáo lấy Tông làm chủ, bởi vì tu hành không có gì hơn được nhân quả. Tiếp đến trình bày lý do trong ý văn dẫn ra là dẫn ra hai văn phần Tựa và phần Lưu Thông, trong đó lại có hai: Trước là chính thức trình bày lý do dẫn ra Dụng, tiếp đến trình bày lý do không dẫn ra. Trong hai văn đầu dẫn ra ý cốt yếu đó, mọi sự của Phật Đấng Minh đã chấm dứt ở quá khứ thì việc ấy đã xác minh, cho nên Văn Thù dẫn ra để trừ bỏ nghi ngờ của Di Lặc, nay Phật Thích Ca thuyết ra Bốn Tích đã xong, cuối cùng tóm tắt điểm then chốt giao cho các Bồ tát tiếp theo từ “Trung gian...” trở xuống trình bày ý không dẫn ra, lại có hai: Đầu là chính thức trình bày về ý không dẫn ra, tiếp từ “Nhược dẫn giả...” trở xuống là loại bỏ nghi ngờ. Văn phần đầu là đương cơ nói rộng về văn của một Bộ ở trong phần Tựa và phần Lưu Thông, cho nên nói là Trung gian. Tất cả mọi điều đã nói há vượt ra Năng thuyết Danh và Sở thuyết Thể cùng dựa vào Thể dấy lên Dụng ư! Vì thế không cần phải dẫn ra. Tiếp là giải thích nghi ngờ thì sợ rằng người nghi ngờ nói: Nói rộng ra tuy như vậy nhưng lẽ nào không có sơ lược những điểm chính? Vì vậy dẫn ra hiển bày thật sự bốn, Nhất mà để giải thích. Trước tiên dẫn ra tiếp là giải thích. Trong phần giải thích nói là Đại sự, ấy là Chư Phật xuất thế vốn thuộc về khai mở Quyền cho nên gọi là Diệu Pháp, cái mà Phật thấy biết tức là Thể vậy. Khai, thị, ngộ, nhập thì Sơ văn có bốn cách giải thích, nay tạm thời dùng một giải thích căn cứ ở phần vị: Khai tức là Thập Trú, là nhân chân thật. Nhập tức là Thập địa, là quả chân thật. Lại bốn phần vị khai, thị, ngộ, nhập là nhân chân thật, thẳng đến đạo tràng là quả chân thật. Nếu vì khiến cho chúng sanh đến bảy phương tiện thì không phải dụng của kinh này, khai mở tri kiến Phật mới thuộc về kinh này. Lại vì Đại sự nhân duyên cho nên chứng thực tên gọi ấy, vô số phương tiện, các loại nhân duyên ở văn trước là Quyền,

pháp này không phải là suy nghĩ phân biệt mà có thể biết được là Thật. Tiếp theo lý do vì sao cứ giải thích rằng: Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một Đại sự nhân duyên cho nên xuất hiện ở thế gian? Do đó biết rằng chủ ý xuất thế là ý định thuộc về Phật Thừa, là Phật Thừa mới được gọi là Đại sư. Nên biết rằng Phật Thừa chỉ là Diệu Pháp cho nên có thể chứng thực tên gọi. Tiếp theo lại giải thích rằng: Vì sao gọi là đạt đến tri kiến của Phật? Nên biết rằng Đại sự là Năng thuyên Danh, tri kiến của Phật chính là Thật Tướng, chứng lý rõ ràng rồi. Chọn lấy Năng tri kiến khai thị ngộ nhập bắt đầu từ Sơ trú cuối cùng đến Hậu tâm chứng thực Tông rất thuận tiện. Tiếp đến trong phần dẫn ra phẩm Dược Vương, phân làm hai: Đầu là chính thức dẫn chứng; tiếp từ “Dẫn chư...” trở xuống dùng bốn ví dụ về giáo. Văn phần đầu có hai: Trước là dẫn ra, tiếp là giải thích. Phần đầu lại có hai: Một là tổng quát nêu ra số để chọn lấy; hai là nêu ra. Văn phần đầu là trong phẩm Dược Vương, Đức Phật vì Túc Vương Hoa thuyết về mười thí dụ, nay chỉ dẫn ra sáu thí dụ, bốn thí dụ còn lại so với sáu thí dụ giống như thành phần của dụ, vì vậy kết hợp bốn vào trong sáu thí dụ này. Vì sao? Cho rằng Luân Vương, Thích Vương không bằng Phạm Vương, cho nên kết hợp vào trong thí dụ về Phạm Vương, năm người con của Phật và Bồ tát không sánh kịp với Phật, cho nên kết hợp vào trong thí dụ về Pháp Vương. Tiếp trong phần nêu ra, trong kinh mỗi một thí dụ đều nói kinh Pháp Hoa này cho nên biết ca ngợi về giáo. Nay văn nêu ra này sơ lược đưa ra tên gọi mà thôi. Tiếp đến trong phần giải thích mỗi một văn đều là trước nêu ra ví dụ, tiếp là giải thích ví dụ. Trong kinh thì văn thí dụ mở rộng, văn kết hợp giản lược, chỉ nói: Pháp Hoa cũng như vậy, tối Đại - tối Thượng - tối Minh... mà thôi. Nay đưa ra ví dụ thì giản lược mà văn kết hợp có phần mở rộng, theo như kinh hướng về đó thì có thể dùng ý hiểu được. Biển nói rằng là đức thì đức là hiểu được vậy. Bởi vì có được các dòng nước, vạn thiệp hợp với muôn dòng nước, Phật Thừa hợp với một vị mặn, không hợp với dòng chảy của sông suối ao hồ, ba nơi lưu thông thuận theo nói là ba giáo đều có nơi quy tụ mà không bằng Pháp Hoa vậy. Tiếp là thí dụ về núi, trong kinh nêu ra đầy đủ núi đất, núi đen, Thiết Vi lớn nhỏ và mười núi báu, để ví như Tu di, nay văn giản lược không có, chỉ nói về bốn núi báu là thuận theo những ví dụ mà nói, bởi vì các núi còn lại hoàn toàn không có bốn thứ báu. Trời ở trên đỉnh núi bốn thứ báu giống như Đê hồ ở trên bốn vị còn lại. Trở lại dùng bốn thứ báu ví cho bốn sự phỉ báng, trời ở trên đó giống như giáo xa rời phỉ báng vậy. Bốn sự phỉ báng giống như ý trong Kim Cang Tạng trước đây. Lại tiếp

tục dùng bốn thứ báu ví cho địa vị, một căn duyên như nhau dùng ví cho chư Thiên, bởi vì chư Thiên không xa rời núi bốn thứ báu. Nếu như muốn hiểu hết văn kinh thì nên dùng bốn núi đất, đen... ví như bốn vị, núi Tu di ở trong mười núi mà lại cao nhất, giống như pháp giới Phật ở trong mười pháp giới mà lại thù thắng nhất. Tiếp theo dụ về mặt trăng thì Thật ví như trăng tròn, Quyền ví như trăng khuyết, Quyền Thật cùng một Thể giống như vầng trăng không thiếu sót gì, hội tụ Tiệm hòa vào Đốn giống như tướng trăng sáng dần dần tròn vạnh, vì vậy biết trong phần nêu ra giáo tướng trước đây nói: Tiệm Đốn này cùng với ý ví dụ vầng trăng hoàn toàn như nhau. Trong kinh dùng Sao ví với Trăng Thiên Tử, tuy nêu ra Thiên Tử, mà kinh hợp lại đã nói kinh Pháp Hoa này là chiếu sáng nhất, cho nên nay chỉ chọn lấy Viên (tròn) cũng bao gồm lấy Minh (sáng) làm ví dụ. Tiếp đến trong ví dụ mặt trời lại thêm đèn, đuốc và sao, nay hợp lại trong ví dụ mặt trời chỉ nói bởi vì phá bỏ Hóa Thành, nhưng chọn lấy ánh sáng mặt trời có năng lực át các ánh sáng vốn có mà thôi. Nếu như tiếp tục kết hợp, cũng có thể dùng bốn loại như đèn... để ví cho Nhị thừa và Thông - Biệt Bồ tát, bởi vì cùng với vô minh chung cư trú. Vì vậy tiếp trong phần tiếp dẫn ra sơ lược nêu ra Sao và mặt trăng mà loại trừ phương tiện, cho nên biết phương tiện đã thu nhận lại mở rộng. Tiếp đến trong ví dụ Phạm Vương, kinh nói: Như Phạm Vương là cha của tất cả chúng sanh, Pháp Hoa cũng có năng lực sinh ra tất cả các giáo vốn là vậy. Văn này chỉ nói tự tại, bởi vì đối với giản lược hai vương không tự tại mà thôi. Luân Vương ở mặt đất như Tục, Thích Vương ở cõi trời như Chân, Phạm Vương ở tam giới như Trung. Nếu Chân - Tục tự tại thì Trung chưa hẳn là tự tại, nếu Trung tự tại thì Chân - Tục chắc chắn là tự tại, cho nên lấy kinh này ví với Phạm Vương. Trong văn thì giản lược trải qua phân tích Trung đạo cũng chẳng phải tự tại mà lại dựa theo giáo đạo, cho nên biết Phạm Vương bao gồm trong hai ví dụ, nay ví dụ cho viên dung vì thế nói là “Tối” (thứ nhất). Tiếp đến trong ví dụ về Pháp Vương nói đến năm người con của Phật, văn kinh tự nêu ra bốn quả Bích chi Phật, những địa vị đã nói này không sánh bằng Phật. Tiếp theo ví dụ lại có hai: Trước là ví dụ bốn loại có thể thấy; tiếp theo từ “Phi đản...” trở xuống là kết luận.

Thứ ba trong phần Sanh Khởi phân thành năm: Một. Giải Thích tên gọi; Hai. Trình bày về ý sanh khởi; Ba. Từ “Triệu sư...” trở xuống chính thức trình bày về sanh khởi; Bốn. Từ “Thần lực...” trở xuống trình bày về sanh khởi sở y không như nhau; Năm. Từ “Kim chi...” trở xuống chính thức trình bày về năng y đã thuận theo. Phần đầu như trong văn.

Tiếp đến nói về thô đến tế, hoặc từ tế đến thô, nhưng khiến cho không lộn xộn đều gọi là sanh khởi. năm chương này là từ thô đến tế. Tên gọi của Năng thuyên ở trong đó là thô nhất, vì vậy đặt ở đầu tiên, Thể của Sở thuyên tiếp đó tế nhị hơn tên gọi, cho nên đặt ở phía sau. Thể chỉ là lý, chọn lấy hành của lý không có gì hơn được nhân quả, cho nên đặt ở tiếp theo. Tông của nhân quả tuy tế nhị so với lý, mà nhân quả tự hành giống như là tổng hợp sơ lược. Dụng lại là lợi ích cho người, bao gồm đối với Quyền Thật làm cho tụ hội căn tánh lâu xa của chúng sanh vì thế tế nhị hơn so với bốn loại, cho nên đặt ở sau. Vậy thì lần lượt theo thứ tự để sanh khởi. Ba là chính thức trình bày về sanh khởi, đã nói là lần lượt, tên gọi đã đặt ở đầu tiên, lại từ đâu sanh ra thì tên gọi theo lý ấy mà nêu. Đầu tiên dẫn ý của sư Tăng Triệu ấy là pháp vốn không có tên gọi, tên gọi là giả tạm chứ không có thật, cho nên nói là tên gọi không có công lao triệu tập mọi vật, Thể tánh của vật trống rỗng không phù hợp với cái thật của giả danh, tên gọi thật sự đều không có mà chỉ là ý Chân đế thôi. Nay luận về Thế đế cho nên cần phải phân rõ tên gọi, lý tuy không có tên gọi mà mượn tên gọi để hiển bày chân thật, vì thế cần phải thiết lập tên gọi của Diệu Pháp để hiển bày chân thật về Bản Tích của Diệu Pháp. Hỏi: Tên gọi đã dựa vào lý, lý lại dựa vào đâu? Đáp: Lý tánh không có Thể mà hoàn toàn dựa vào vô minh, vô minh không có Thể mà hoàn toàn dựa vào pháp tánh, lý khắp tất cả mà không có gì y cứ, vậy thì tên gọi cùng với Thể làm nhân nương tựa lẫn nhau, tên gọi tức là văn tự của Thể, Sắc Giải thoát là pháp giới... Bốn là trong Sở y có ba, gọi là thần lực... Nói là dựa theo giáo và hành, nhưng lấy Dụng đặt ở thứ hai, thứ bốn là khác nhau mà thôi, thứ tự còn lại thì như nhau. Nhưng dựa theo trong giáo lấy Diệu Pháp làm pháp còn ràng buộc cho nên nói muốn thuyết ra pháp này. Nếu dựa theo trong hành lấy Diệu Pháp làm tên gọi của Năng thuyên cho nên nói nghe tên gọi vì thế suy ra lý, tuy bàn về huyền nghĩa của kinh mà bốn chương trước thuộc về hành do đó lại thuận theo hành mà nói. Hoặc là giáo hay là hành đều cần phải phân định thì giáo mới hiển bày được Diệu chỉ. Vì vậy, hai phạm vi giáo, hành cùng phân định giáo tướng đặt ở sau. Giáo, hành cùng lấy Thể trước mà Tông sau, hoặc là giảng giải hay là thực hành cũng cần phải trước là biết Thể rồi mới phân rõ nhân quả vốn là vậy. Khai thị cũng dựa theo hành, theo như Tựa có thể biết. Nếu không khai mở Quyền thì tên gọi Diệu không thành lập, phần còn lại giống như văn. Vì lẽ đó từ phẩm Thần Lực trở đi phân định dẫn chứng trước đây đều có nguyên cớ. Phẩm Thần lực dựa theo Giáo cho nên trước là

tên gọi, tiếp đến Dụng, tiếp đến Thể, tiếp đến Tông. Phẩm Tựa dựa theo Hành cho nên như trong văn đã thành lập thứ tự. Vả lại, trải qua liên tục dẫn ra khai, thi, ngộ, nhập giúp thành tựu phẩm Tựa, xuống phía dưới đều nói vân vân ấy, như trong Chỉ Quán quyển thứ nhất nghi. Tiếp đến trong phần khai hợp phân thành bốn: Một. Nêu ra; Hai. Trình bày về ý khai hợp; Ba. Từ “Phàm tam...” trở xuống là nêu ra; Bốn. Từ “Sơ thích...” trở xuống là giải thích. Văn trong phần giải thích tự phân thành ba: Thứ nhất là năm chủng loại, bắt đầu từ Sự Lý cuối cùng đến nói năng im lặng, chỉ là Sự Lý của tự hành hóa tha mà thôi. Nhưng năm chương huyền nghĩa cũng không ra ngoài Sự Lý tự hành hóa tha. Nay lại dùng những Sự Lý này cùng năm cặp liên tục phân định năm chương, bởi vì mỗi một cặp đều thâm nhiếp năm chương. Tuy Sự Lý tự hành hóa tha có phần giống nhau, nhưng mà mỗi một chương thì không thâm nhiếp cả năm cặp. Vì thế biết rằng pháp tướng văn nghĩa đều khác biệt, tuy cùng thâm nhiếp năm chương mà năm cặp sanh khởi theo thứ tự rõ ràng. Bởi vì có Sự Lý cho nên có giáo, hành, căn cứ vào giáo, hành làm nhân cho nên cảm đến quả, do nhân quả đầy đủ cho nên có năng lực hóa tha, do căn cơ khác nhau cho nên thích nghi thì nói, thích nghi thì im lặng. Nhưng mà giải thích tên gọi luôn luôn thông suốt, giáo tướng phân biệt rõ ràng, Thể biến khắp hay không biến khắp, chỉ căn cứ vào Tông - Dụng đối với năm cặp khác nhân tố ấy trở thành sai khác. Mười chủng loại ấy gọi là Đạo - Thức - Tánh - Bát-nhã - Bồ-đề - Đại thừa - Thân - Niết-bàn - Tam Bảo - Đức, như dưới đây giải thích trong ba pháp Diệu. Vả lại, nếu như dùng Liên Hoa dụ cho ba chuẩn mực, thì Liên ví như Chân tánh, Hoa ví như Quán chiếu, nhị hoa ví như giúp đỡ thành tựu, cho đến chín loại ba ví dụ thuận theo có thể thấy. Nếu như vậy thì trong năm cặp trước đây, giải thích tên gọi cuối cùng đối với năm cặp nên biết rằng cũng có thể dùng ba loại Liên - Hoa và nhị hoa đối với những Thể - Tông - Dụng kia giải thích từng cặp một có thể thấy. Tiếp đến trong phần liệu giản kết hợp mười hai lần hỏi đáp, đầu tiên là ba lần liệu giản về tên gọi, tiếp là một lần liệu giản về Thể, tiếp tục một lần liệu giản về Tông, tiếp theo là năm lần Tông - Dụng so sánh để chọn lựa, tiếp đến hai lần đều giản lược năm chương. Đầu tiên ý hỏi là Thật thi thiết Quyền, Quyền không xa rời Thật, cho đến khai mở Quyền hiển bày Thật, Thật không xa rời Quyền, phế bỏ Quyền hiển bày Thật, Quyền nếu như phế bỏ rồi thì Quyền Thật không hai, há không rơi vào trong nhân có quả ư? Ý trả lời là nhân quả cùng chung tên gọi, mà thời khác nhau, giáo khác nhau, người ngoài thì nhân quả đã bị Sơ giáo phá

bỏ, hãy còn chẳng phải nhân quả thô của Tam Tạng giáo hướng là Thông Biệt giáo, hướng là nhân quả vi diệu ư? Vị thầy thuốc mới, cũ giống như văn khác giải thích. Tiếp theo hỏi, câu hỏi này dựa vào câu trả lời trước mà phát sinh, trước đó trả lời là diệu nhân diệu quả, nhân quả cùng lúc, hoa và quả chính là Thể, Tiểu thừa thuộc về Quyền, Quyền cũng chính là Thật, Thảo am và Hóa Thành thì không có Hoa chỉ có Liên, phá bỏ Quyền mới là Thật thì nghĩa lẽ nào tồn tại? Đáp: Tiểu thừa là hóa tha cho đến dụ mà thôi, vả lại dựa theo ban đầu nói Tiểu thừa cách với Đại, vì thế nói là phá bỏ. Lấy Đại phá bỏ điều ấy cho nên nói là cần phải phá bỏ. Tự hành chính là Quyền ở trong Thể cho nên dùng Hoa để dụ, nhưng mà Quyền của Hóa tha dựa vào chủ ý của Phật thì hoàn toàn thuộc về Tự hành, còn ban đầu dựa theo thi thiết Quyền cho nên thuộc về Hóa tha. Nay luận về khai mở Quyền cho nên thuộc về Tự Hành, thi thiết khai mở che phủ các duyên thì lý đó không khác nhau. Bảy ví dụ là: 1. Nhà lửa; 2. Người nghèo hèn; 3. cây thuốc; 4. Hóa thành; 5. Mang viên ngọc; 6. Viên ngọc trên đỉnh đầu; 7. Con của thầy thuốc. Cần phải dùng bảy ví dụ, các nghĩa phù hợp với Quyền Thật của Liên Hoa, mới có thể hiển bày rõ ràng ý Tổng - Biệt mà thôi. Tại sao? Bởi vì Liên Hoa chỉ là vì Thật thi thiết Quyền, khai mở Quyền hiển bày Thật, bảy ví dụ đều như vậy cho nên được gọi là Biệt. Như trong ví dụ ban đầu thiết lập ba xe là thi thiết Quyền, sau ban cho xe lớn là hiển bày Thật. Trong ví dụ người nghèo hèn, muốn làm việc về trước là thi thiết Quyền, biết được sự nghiệp về sau là hiển bày Thật. Trong ví dụ cây thuốc, ba loại cỏ hai loại cây là thi thiết Quyền, một mặt đất một cơn mưa là hiển bày Thật. Trong ví dụ Hóa Thành, vì một mối mà thiết lập Hóa Thành là thi thiết Quyền, dẫn lối đến Bảo Sở là hiển bày Thật. Trong ví dụ mang viên ngọc, được ít lấy làm đủ là vâng theo Quyền, sau chỉ ra viên ngọc trong ché áo là hiển bày Thật. Trong ví dụ viên ngọc trên đỉnh đầu, tùy theo công lao mà ban tặng là thi thiết Quyền, cởi búi tóc ban cho ngọc châu là hiển bày Thật. Trong ví dụ con của thầy thuốc, không phải sanh, hiện đang sanh, không phải diệt, hiện đang diệt, đều có hai lợi ích về hình tướng, âm thanh Quyền Thật, là sanh diệt của Tất, là phi sanh phi diệt của Bản. Vì vậy sáu ví dụ trước dựa theo Tích, một ví dụ sau dựa theo Bản. Do đó biết Liên Hoa là tổng quát ví dụ cho Bản Tích Quyền Thật và tướng đồng dị của Bản Tích đầy đủ như sau sẽ giản lược, cho nên biết rằng chỉ nói Liên Hoa thì bao gồm tách biệt rồi.

Tiếp theo hỏi về Thể, câu hỏi này theo văn và lý để hỏi, tất cả các pháp đều là pháp giới không có gì không phải là Thật Tướng, thì

các pháp đều là Thể mà ý gì lại giản lược Quyền? Ý trả lời là nếu như vì Thật thì thiết Quyền thì chưa hiểu Thể của kinh, khai mở Quyền hiển bày Thật thì Thật giống như đã hỏi. Phế bỏ Quyền hiển bày Thật như trước đã sử dụng, nghĩa là dựa theo phế bỏ mà nói thì giản lược quyền chọn lấy Thật, dùng làm Thể của kinh. Tại vì sao? Bởi vì phế bỏ rồi không có Quyền giản lược hướng về Quyền làm thành Thật để thiết Quyền, giống như trước trong phần nêu ra Thể giản lược đối với Thể tự hành hóa tha và hóa tha, cho nên nói như trước đã sử dụng.

Tiếp theo hỏi về Tông, Tông giống như tôn kính, như người chủ, như một nước không có hai vua, vì sao dùng hai pháp làm Tông được? Ý trả lời rằng nhân quả tuy hai mà không hai. Bởi vì một nhân một quả thì không thể thành tựu, có quả có thể chọn lấy nhân thì nhân là nhân của quả, quả nếu như có nhân thì quả là quả của nhân, cho nên biết rằng chủ thể thành lập dựa vào đối tượng làm kỳ hạn, đối tượng thành lập dựa vào chủ thể mà hiển bày, giống như bề tôi lo liệu việc giúp đỡ nhà vua, nhà vua có thể quản lý bề tôi, vua tôi dựa vào nhau cùng điều hành một đất nước, khác nhau và giống nhau làm ví dụ thì lý ấy cũng thành tựu. So sánh với đoạn sau dùng các ví dụ mặt trăng, mặt trời, lưới trời... thì ý vẫn có thể biết. Lại dẫn ra văn Bốn Tích chứng minh đầy đủ như dưới đây dẫn ra. Hỏi luận về Tông mà lấy Dụng chất vấn về Tông, chữ Luận là bình thanh, là danh từ. Luận về Tông đã chọn lấy Tự hành, luận về Dụng vì sao cùng chọn lấy Tự - Tha? Trả lời giống như văn các câu hỏi dưới đây so sánh giản lược ấy chính là giản lược về Dụng bao gồm hiển bày về Tông. Hỏi về Dụng là hóa tha... ấy, lập lại câu trả lời để nêu ra lại, Tông là Tự hành đã không chọn lấy Hóa Tha, Dụng là Lợi tha thuận theo giản lược Tự hành. Ý trong câu trả lời là: Nếu Tự phá trừ mê hoặc chỉ sử dụng Thật đạo thì gọi là Tự Dụng, Tự nhất định phải giản lược Tha. Nếu phá trừ mê hoặc của Tha thì Tha nên sử dụng Đại cũng gọi là Dụng, vì vậy Hóa tha không thể thuần là Tiểu cho nên cũng sử dụng Quyền Thật của Tự hành. Nếu sử dụng đối với Thật tức là dùng Thật này để Tự lợi và Lợi tha. Tiếp theo là ý song song, Tông là nhân của quả, cũng có thể chỉ ra Tha gọi là Hóa tha Tông, cũng thuận theo cùng chọn lấy Hóa tha nhân quả và Tự lợi - Lợi tha, tại vì sao giản lược Tha chỉ chọn lấy Tự? Ý trả lời rằng Hóa tha nhân quả không phải là Tông của Nhất thừa, vì vậy không chọn lấy. Ý song song ấy là nhân quả thuộc về Tông, sao không lấy Hóa tha nhân quả cùng nhau làm Tông của kinh để lợi ích đối với Tha? Ý trả lời rằng Tông thuộc về Tự hành chỉ mong cầu Phật quả, hãy còn không chọn lấy Tự hành Hóa tha,

huống là dùng Hóa tha nhân quả mà làm Tự hành ư? Bởi vì phương tiện Hóa tha tức là thuộc về Dụng. Tiếp theo song song với điều ấy, trong Dụng cũng không nên chọn lấy tất cả. Ý trả lời rằng Hóa tha dần dần dẫn dụ sự việc không được ngừng lại, vì vậy chọn lấy điều ấy. Hỏi về Tông - Dụng đều trình bày đến trí, đoạn..., chính là căn cứ vào văn từ trước đến nay hoặc là dùng Tông chất vấn về Dụng, hoặc là lấy Dụng chất vấn về Tông sợ rằng pháp sẽ lộn xộn, cho nên cần phải hỏi như vậy. Tông là Tự hành, Dụng là Hóa tha, đều có trí, đoạn trở thành đồng - dị ư? Văn này đích thực hỏi về Tông, Dụng trí đoạn. Nhưng về sau trong phần trả lời đối với Tự, đối với Tha đều có trí đoạn, bởi vì Tông là Tự hành, Dụng là Hóa tha. Vì thế dùng Tông - Dụng để giải thích về Tự, Tha trí đoạn không giống nhau có thể gọi là khác nhau. Văn trước đã dùng Tự hành làm Tông, Hóa tha làm dụng, nay ở đây Tự tha đều có trí đoạn mới thành tựu Tự, Tha đều có Tông - Dụng, Tông tuy có Dụng mà Dụng thuộc về đoạn, đây mới gọi là Dụng của Tông gia. Tự Tha trí đoạn cùng làm tông ấy là, Tự hành lấy trí đức làm tông, Hóa tha lấy đoạn đức làm Tông. Hóa tha trí đoạn cùng làm Dụng, là lấy Tự hưởng về Tha trí đoạn đều là trí, dùng Tha hưởng về Tự trí đoạn đều là đoạn, văn thuận theo lấy Tha hưởng về Tự mà nói, vì vậy chỉ nói Hóa tha trí đoạn đều là Dụng.

Tiếp đến tổng quát liệu giản về năm chương, trước là liệu giản bốn chương đã xong, đầu tiên là hỏi đáp có thể thấy, từ “Vấn kinh kinh...” về sau lại tựa như liệu giản về giáo tướng. Giáo tướng chỉ là phân biệt bốn chương, bốn chương nếu khác nhau thì giáo tướng cũng khác nhau, cho nên nói từng kinh từng kinh đều khác nhau, bởi vì giáo đối với bốn tức là liệu giản năm chương vậy. Nếu các kinh đều thiết lập thì danh nghĩa cũng khác biệt, cho nên nói được cái riêng mất đi cái chung, nay tên gọi giống nhau mà nghĩa khác nhau cho nên nói được cái chung mà không mất cái riêng.

Quán tâm ấy là ban đầu nêu ra nơi sử dụng quán, bảy lần cùng tách ra đã giải thích về năm chương, hội tụ sai khác đặt ở sau, nay vốn chưa luận bàn, cho nên cuối cùng đem một chương quán tâm thứ sáu để hiểu hết năm chương trước, khiến cho mỗi một văn đều hòa vào quán môn, nhưng cần phải giải thích tường tận để thành tựu Diệu quán. Hỏi: Nếu như vậy sao không lấy văn quán tâm này đặt ở phần thứ bảy để làm mất đi sáu phần trước? Đáp: Văn hội tụ sai khác thì mở rộng cho nên không vượt quá, vì lẽ đó trong văn hội tụ sai khác tự thành lập một môn quán thì toàn bộ Thể của Tất đàn là ở tại quán, không dựa vào Sự

mà trở thành Lý quán. Dựa vào văn trước khởi tự phân làm năm đoạn, thứ nhất dựa theo nêu ra chương đoạn ấy lại làm thành năm chương. Đầu tiên trong phần dựa theo nêu ra tên gọi nói là huyễn diệm, tên gọi của huyễn diệm nối thông với Thiên - Viên, như trong hai mươi lăm Tam muội có Như Huyền Tam muội vẫn là nghĩa nối thông Viên - Biệt. Nay thuận theo Viên nói về một tâm ba huyễn phá trừ một tâm ba hoặc, lý hoặc cùng một Thể, cảnh và trí như như. Từ “Thích ngôn...” trở xuống là quán pháp, quán sát tâm tánh chỉ có tên gọi, nói là có thì một niệm cũng không có, huống là có sắc chất hình tượng của mười pháp giới chẳng? Nói là không có thì lại dấy lên ba ngàn ý tưởng, huống là ý niệm của một pháp giới ư? Bởi vì không thể dùng ý nghĩ có, không có này, thì một niệm tâm Trung đạo vắng lặng như vậy, cho nên biết tâm là Diệu. Diệu tức là ba ngàn, ba ngàn tức là pháp. Pháp vốn là ba quỹ phạm, cho nên nói là hợp với quỹ phạm. Tâm pháp này chẳng phải nhân, chẳng phải quả, đây là đưa ra Thể sở y của nhân quả. Có thể như lý quán sát lời nói này, có thể chọn lấy quán sát nhân quả, cho nên được gọi là Tông của Thể gia. Dụng ấy chỉ là công năng của tông và Thể. Nhân Hoa - quả Liên có thể dùng ý hiểu được, vì vậy trong tên gọi vốn hàm chứa ba nghĩa căn cứ vào một tâm, ấy là nghiền ngẫm trong một sát na đã thành quán rồi, thì dùng quán này trở lại quán hậu tâm, hậu tâm thành quán thì đối tượng lại trở thành chủ thể, hậu hậu nối tiếp nhau gọi là giáo hóa tâm khác. Kinh là giáo che phủ xuống phía dưới, do đó quán sát mê hoặc bên dưới gọi là kinh. Tiếp đến phân tích tâm vốn có dựa theo trong Thể, chỉ là Thật Tướng chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt chuyển sang giải thích về có, không, ban đầu quán sát đi đến Tông, bởi vì quán sát không cần thiết vậy. Tên gọi của ác giáo không hạn chế vào nông cạn, tướng không dấy khởi ý Thật sự ở sâu xa, cho nên có thể quán tâm là Dụng của kinh này. Từ “Tâm sở...” trở xuống là giáo tướng, giáo tướng phân biệt cho nên nói là đồng - dị. Phân biệt giáo này không có gì không hội tụ về Thật cho nên nói là “nhi chuyển”. Tiếp theo dẫn chứng năm chương không được khinh suất thuận theo gần mà hiểu. Tiếp đến dựa theo trong phần sanh tử khởi lấy tâm quán tên gọi của tâm, là Thể của cảnh, quán hợp với nhân, được thoát khỏi quả, đây là Tông của nhân quả, khiến cho những phần còn lại cũng thoát khỏi Dụng. Phân biệt tâm vương, tâm sở là giáo tướng, thì tâm đã là Diệu nên vương, sở cũng là Diệu, Diệu mà phân biệt cho nên thuộc về giáo tướng. Tiếp đến dựa theo trong phần khai hợp quy ước mười hai duyên một niệm là Tổng. Biệt tức là ba đạo,

chính là ba đạo của mười pháp giới, bởi vì đoạn văn sau phân biệt dựa theo mười pháp giới. Trong văn phân biệt nói về giáo tướng bao gồm khai hợp ấy, chỉ có một văn giáo tướng này bao gồm khai hợp trước đây dựa theo phương tiện phân biệt gọi là giáo tướng. Chỉ có một sanh diệt thì gọi đó là Hợp, xa rời thành mười pháp giới thì gọi đó là Khai. Tiếp đến trong phần liệu giản không trở lại liệu giản năm chương, chỉ giản lược ý của dùng quán, lại phân làm hai: Đầu là dựa theo căn tánh không giống nhau, tiếp từ “Hựu luận...” trở xuống là lý cần phải đầy đủ. Trong văn phần đầu nói vì những người Tín hành, ví dụ như một gốc cây sinh ra nhiều cành lá, ở nơi một Thật Tướng khai mở Vô lượng tên gọi. Nếu là pháp hành thì lấy thân dụ cho thân, năng dụ và sở dụ đều phát sanh quán giải. Văn tiếp theo lại có bốn: Một. Dẫn ra ba luận; Hai. Dẫn ra hai kinh; Ba. Từ “Hà giả...” trở xuống là quở trách về mất mát; Bốn. Từ “Nhược dục...” trở xuống là nêu rõ đạt được. Văn phần đầu là bốn câu trong Đại luận đánh giá về văn Tuệ, đầy đủ như trong Chỉ Quán Đệ Nhất Nhất Ký. Trong bốn câu này nêu ra đầy đủ được mất, câu thứ ba là đạt được, ba câu còn lại đều là mất mát. Tiếp theo dẫn Bách luận nhưng chỉ dẫn ra hai loại mất mát, nói rằng Bách luận có nhưng loại đui mù, què quặt, ấy là người ngoại đạo Bách luận chấp rằng: Nếu thần không có xúc chạm thân thì không thể nào đến được, giống như hai người đui và què dựa vào nhau có thể đi vào bên trong. Phá bỏ rằng: Bởi vì đui và què là hai sự xúc chạm, hai cách tư duy vì thế có thể đến được, thân và thần không có hai cho nên không thể nào đến được, nay dựa vào phương tiện ví dụ nhờ nhau mà có thể đến được, không giữ lấy sự chấp trước vào phương tiện ví dụ nhờ nhau mà có thể đến được, không giữ lấy sự chấp trước vào thần ngã và thân. Nay nói mù mà không què giống như có thực hành mà không hiểu biết gì, què mà không mù giống như có hiểu biết nhưng lại không có thực hành. Nếu như hiểu biết và thực hành đầy đủ thì giống như hoàn thiện cả hai. Tiếp theo dẫn ra Mâu Tử mất cả hai hiển bày đạt được. Nói rằng Mâu Tử có nghĩa của luận thuyết và thực hành ấy, giống như Chỉ Quán quyển thứ nhất ghi dùng hai dụ này ví dụ giải thích bốn câu trong Đại luận có thể biết. Tiếp đến dẫn kinh Hoa Nghiêm và kinh này có thể biết rõ. Tiếp theo từ “Hà giả...” trở xuống trong phần quở trách về mất mát dùng làn gió của ngôn giáo thổi ngọn đèn của vô thất, thất giống như Định vậy. Soi chiếu đến lý cảnh các pháp không rõ ràng, lại sơ lược nêu ra một ý ngã mạn thuận theo đủ các mê hoặc nắm con dao của Diệu giáo, làm tổn hại cánh tay của Trí chiếu; nếu như người chỉ tối tâm chứng được quán tâm dấy lên

tăng thượng mạn, trước là Ngã mạn cùng với phân biệt trong này thì khác nào ôm bó đuốc âm thầm chứng được đốt cháy cánh tay của Thắng Định. Từ “Nhược dục...” trở xuống là nêu rõ đạt được, phân làm hai: Trước là nêu ra, tiếp là kết luận. Văn phần đầu, trước là sơ lược nêu ra, tiếp đến là giải thích về Lục Tức. Từ “Tu tâm...” trở xuống là kết luận, lại có hai: Đầu là kết luận, tiếp là lợi ích. Mắt sáng, tuệ nghe chữ Cách là so sánh, những lợi ích che phủ rộng rãi sao có thể không dùng quán giải thích văn năm chương khiến cho mắt trí đầy đủ hơn?

Trong phần giải thích về hội tụ sai khác, có hai: Trước là hỏi về phát khởi, tiếp là trả lời đưa ra. Trong phần trả lời tự phân thành hai: Trước so sánh năm chương, sau là giải thích bốn Tất đàn. Văn phần đầu lại có hai: Trước so sánh năm chương, nói rằng tên gọi bao quát một Bộ thì thế giới cũng đứng đầu ba loại ấy, như Ngũ trùng huyền nghĩa thì nghĩa tên gọi đặt ở đầu tiên, đứng thứ nhất đối với một Bộ, trong Bộ không vượt ra ba loại Thể - Tông - Dụng, thế giới cũng ở đầu tiên trong bốn Tất đàn, ba loại như Sanh thiện... cũng không ra ngoài thế giới, vì thế cho nên giống nhau. Đây hoàn toàn vẫn phải dùng Viên Diệu bốn Tất đàn mới giống như ý trong năm chương của kinh này. Tiếp theo trong phần hỏi đáp liệu giản có hai: Đầu là một lần hỏi đáp, trình bày về bốn Tất đàn, năm chương theo thứ tự không như nhau, tiếp là một lần hỏi đáp trình bày về kinh luận không giống nhau. Câu hỏi đầu có thể hiểu. Tiếp trong phần trả lời có bốn: Một. Cùng nêu ra hai căn; Hai. Giải thích so sánh lợi độn; Ba. Từ “Ngũ trùng...” trở xuống phân định không như nhau; Bốn. Từ “Đối nghĩa...” trở xuống kết luận trả lời câu hỏi tiếp đó. Nếu dùng bốn Tất đàn trong Đại luận nối thông với năm chương trong kinh Đại Phẩm thì có thể như vậy, sao có thể đem nối thông với kinh Pháp Hoa được? Thô diệu đã khác nhau thì nghĩa nối thông lẽ nào tồn tại? Trong luận tất cả nói rõ chính là Dụng mà sao không dùng vậy? Trong trả lời trước tiên nói rõ về bốn ý Tất đàn, tiếp đến vẫn dùng tất cả nói rõ để nói rõ ý này. Nói là Trung Quán, nghĩa là quán ở trong quán gọi là Trung Quán, vốn là dùng Sở quán để nói rõ về Thể, Năng quán nhân quả để nói rõ về Tông. Vì lẽ đó dẫn kinh Anh Lạc trợ giúp nói rõ về luận ấy, nghĩa phá bỏ, thiết lập cùng với nghĩa về Dụng giống nhau, lợi ích chúng sanh đầy đủ cần phải phá bỏ và thiết lập lại giống như Dụng. Từ “Luận hữu...” trở xuống là tiếp theo dẫn ra ý luận giống như kinh. Tách biệt dùng ba chữ nói rõ ba chương, xong. Tiếp theo từ “Trung quán...” trở xuống tổng quát dùng ba chữ cùng nói rõ về tên gọi, văn thiếu phần giáo tướng, giáo tướng chỉ là phân biệt

bốn ý trước, suy nghĩ có thể biết, vì thế không giải thích riêng biệt. Tiếp tục lại dùng bốn câu trong luận nói rõ ấy luận đề là Tổng, nên trong Tổng đề bao hàm ba quán, đầy đủ như ý trong phần phá bỏ các giải thích cũ ở Chỉ Quán quyển thứ năm, hai luận đích thực nói rõ về năm chương vậy, kinh chỉ trợ giúp thành tựu mà thôi.

